

Số: 46 /2012/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 13 tháng 8 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 17/11/2010;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 74/2011/NĐ-CP ngày 25/8/2011 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 158/2011/TT-BTC ngày 16/11/2011 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 74/2011/NĐ-CP ngày 25/8/2011 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Căn cứ Căn cứ Nghị quyết số 40/2012/NQ-HĐND ngày 12/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 571/TTr-STNMT ngày 09 tháng 8 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định về việc thu phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai khi tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cho phép khai thác, tận thu các loại quặng khoáng sản kim loại và khoáng sản không kim loại.

Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích đất ở thuộc quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân để xây dựng các công trình của hộ gia đình, cá nhân trong diện tích đó; trường hợp đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình an ninh, quân sự thì không phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản đó.

Điều 2. Đơn vị tổ chức thu phí

Đơn vị tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là Cơ quan thuế:

- Cục thuế Đồng Nai thu phí đối với các tổ chức thuộc Cục thuế Đồng Nai quản lý thu thuế theo phân cấp quản lý thu của ngành thuế.

- Chi cục thuế địa phương nơi có hoạt động khoáng sản thu phí đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc Chi cục thuế địa phương quản lý thu thuế theo phân cấp thu của ngành thuế.

Điều 3. Mức thu và mức trích phí

1. Mức thu

a) Đồng tiền thu phí và phương thức nộp phí:

- Đồng tiền thu phí: Việt Nam đồng (VNĐ).

- Phương thức nộp phí: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.

b) Cách tính phí:

Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản phải nộp trong kỳ nộp phí được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Phí bảo vệ môi trường đối} \\ \text{với khai thác khoáng sản} \\ \text{trong kỳ (đồng)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng từng loại} \\ \text{khoáng sản khai thác} \\ \text{trong kỳ (tấn hoặc m}^3\text{)} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Mức phí phải nộp của} \\ \text{từng loại khoáng sản} \\ \text{tương ứng (đồng/tấn} \\ \text{hoặc đồng/ m}^3\text{)} \end{array}$$

(Số lượng từng loại khoáng sản khai thác trong kỳ để tính phí là số lượng nguyên khai các loại quặng khoáng sản kim loại hoặc khoáng sản không kim loại khai thác thực tế trong kỳ nộp phí mà không phân biệt mục đích khai thác; công nghệ khai thác; vùng, miền khai thác hoặc điều kiện khai thác).

c) Mức thu phí:

Mức thu phí cụ thể như Bảng sau:

Số TT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
A	Quặng khoáng sản kim loại		
1	Quặng sắt	Tấn	50.000
2	Quặng mangan	Tấn	40.000
3	Quặng ti-tan (titan)	Tấn	60.000
4	Quặng vàng	Tấn	225.000
5	Quặng đất hiếm	Tấn	50.000
6	Quặng bạch kim	Tấn	225.000
7	Quặng bạc, Quặng thiếc	Tấn	225.000
8	Quặng von-phờ-ram (wolfram), Quặng ăng-ti-moan (antimoan)	Tấn	40.000
9	Quặng chì, Quặng kẽm	Tấn	225.000
10	Quặng nhôm, Quặng bô-xít (bouxite)	Tấn	40.000
11	Quặng đồng, Quặng ni-ken (niken)	Tấn	47.500
12	Quặng cromit	Tấn	50.000
13	Quặng cô-ban (coban), Quặng mô-lip-đen (molipden), Quặng thủy ngân, Quặng ma-nhê (magie), Quặng va-na-đi (vanadi)	Tấn	225.000
14	Quặng khoáng sản kim loại khác	Tấn	25.000
B	Khoáng sản không kim loại		
1	Đá ốp lát, làm mỹ nghệ (granit, gabro, đá hoa ...)	m ³	60.000
2	Đá Block	m ³	75.000
3	Quặng đá quý: Kim cương, ru-bi (rubi); Saphia (sapphire); E-mô-rôt (emerald); A-lếch-xan-đờ-rít (alexandrite); Ô-pan (opan) quý màu đen; A-dít; Rô-đô-lít (rodolite); Py-rốp (pyrope); Bê-rin (berin); Sờ-pi-nen (spinen); Tô-paz (topaz), thạch anh tinh thể màu tím xanh, vàng lục, da cam; Cờ-ri-ô-lít (cryolite); Ô-pan (opan) quý màu trắng, đỏ lửa; Phen-sờ-phát (fenspat); Birusa; Nê-phờ-rít (nephrite)	Tấn	60.000
4	Sỏi, cuội, sạn	m ³	5.000

Số TT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
5	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	Tấn	2.000
6	Các loại đá khác (đá làm xi măng, khoáng chất công nghiệp ...)	Tấn	2.000
7	Cát vàng	m ³	5.000
8	Cát làm thủy tinh	m ³	6.000
9	Các loại cát khác	m ³	3.000
10	Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình	m ³	1.500
11	Đất sét, đất làm gạch, ngói	m ³	2.000
12	Đất làm thạch cao	m ³	2.500
13	Đất làm Cao lanh	m ³	6.000
14	Các loại đất khác	m ³	1.500
15	Gờ-ra-nít (granite)	Tấn	25.000
16	Sét chịu lửa	Tấn	25.000
17	Đô-lô-mít (dolomite), quắc-zít (quartzite)	Tấn	25.000
18	Mi-ca (mica), thạch anh kỹ thuật	Tấn	25.000
19	Pi-rít (pirite), phôt-pho-rít (phosphorite)	Tấn	25.000
20	Nước khoáng thiên nhiên	m ³	2.500
21	A-pa-tít (apatit), séc-păng-tin (secpentin)	Tấn	4.000
22	Than an-tra-xít (antraxit) hầm lò	Tấn	8.000
23	Than an-tra-xít (antraxit) lộ thiên	Tấn	8.000
24	Than nâu, than mỡ	Tấn	8.000
25	Than khác	Tấn	8.000
26	Khoáng sản không kim loại khác	Tấn	25.000

- Trường hợp trong quá trình khai thác mà thu được thêm loại khoáng sản khác thì phải nộp phí bảo vệ môi trường theo mức thu của loại khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép khai thác.

- Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khai thác Granite làm đá ốp lát, làm mỹ nghệ thì áp dụng mức thu phí quy định tại điểm 1 Mục B của bảng mức thu phí tại Quyết định này. Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác Granite cho mục đích khác thì áp dụng mức thu phí quy định tại điểm 15, Mục B của bảng mức thu phí tại Quyết định này.

- Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khai thác đá làm mỹ nghệ theo cả khối lớn thì áp dụng mức thu phí quy định tại điểm 2, Mục B của bảng mức thu phí tại Quyết định này.

d) Đối với khai thác khoáng sản tận thu

Mức phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản tận thu bằng 60% mức phí của loại khoáng sản tương ứng tại điểm c, khoản 1, Điều 3 Quyết định này.

Những trường hợp sau đây được áp dụng mức thu phí đối với khai thác khoáng sản tận thu:

- Hoạt động khai thác khoáng sản còn lại ở bãi thải của mỏ đã có quyết định đóng cửa mỏ;

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân không nhằm mục đích khai thác khoáng sản, nhưng có chức năng, nhiệm vụ hoặc có đăng ký kinh doanh, trong quá trình hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ hoặc theo chuyên ngành đã đăng ký mà thu được khoáng sản (ví dụ: Thu được cát trong quá trình nạo vét lòng sông, thu được đá trong quá trình xây dựng các công trình thủy điện hoặc xây dựng các trường bản).

2. Mức trích

Theo điểm a, khoản 1, mục C, phần III Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính, phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản do cơ quan Thuế trực tiếp thu nên không thực hiện chế độ trích để lại cho đơn vị tổ chức thu mà phải nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách Nhà nước.

Điều 4. Chế độ thu nộp, quản lý sử dụng và quyết toán phí

1. Chứng từ thu phí.

Chứng từ thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là biên lai thu phí do cơ quan thuế phát hành.

2. Chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí.

a) Đối tượng nộp phí:

Đăng ký nộp phí với cơ quan Thuế quản lý trực tiếp cùng nơi kê khai nộp thuế tài nguyên. Trường hợp trong tháng không phát sinh phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, người nộp phí vẫn phải kê khai và nộp tờ khai nộp phí với cơ quan Thuế. Trường hợp tổ chức thu mua gom khoáng sản phải đăng ký nộp thay người khai thác thì tổ chức đó có trách nhiệm nộp hồ sơ khai phí bảo vệ môi trường với cơ quan thuế quản lý cơ sở thu mua khoáng sản. Thời hạn kê khai phí bảo vệ môi trường với cơ quan thuế chậm nhất là ngày thứ 20 của tháng tiếp theo. Người nộp phí phải kê khai đầy đủ, đúng mẫu tờ khai và chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc kê khai.

Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là loại khai theo tháng và quyết toán năm. Khai, quyết toán phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản bao gồm khai, quyết toán năm và khai, quyết toán đến thời điểm chấm dứt hoạt động khai thác khoáng sản, chấm dứt hoạt động thu mua gom khoáng sản, chấm dứt hoạt động kinh doanh, chấm dứt hợp đồng chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp hoặc tổ chức lại doanh nghiệp.

Hồ sơ khai phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản theo tháng là tờ khai theo mẫu 01/BVMT ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính. Hồ sơ khai quyết toán phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản theo tháng là tờ khai mẫu 02/BVMT ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính.

Đối với người nộp phí thuộc diện bị ấn định số phí phải nộp theo quy định của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn.

Ngoài các quy định trên, việc khai phí, nộp phí, quyết toán phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế.

Cung cấp tài liệu, sổ kế toán, chứng từ, hóa đơn và hồ sơ tài liệu khác có liên quan đến việc tính và nộp phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản khi cơ quan có thẩm quyền tiến hành kiểm tra, thanh tra hoặc khi cơ quan thuế phát hiện đối tượng nộp phí có dấu hiệu vi phạm theo quy định.

b) Đơn vị tổ chức thu phí:

Cơ quan Thuế có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Hướng dẫn, đôn đốc các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản thực hiện đăng ký, kê khai, nộp phí theo quy định.

- Kiểm tra, thanh tra việc kê khai, nộp phí, quyết toán tiền phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, trường hợp đối tượng nộp phí chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ chế độ chứng từ, hóa đơn, sổ kế toán thì cơ quan Thuế phối hợp với cơ quan chức năng ở địa phương, căn cứ vào tình hình khai thác khoáng sản của từng đối tượng nộp phí để ấn định số lượng khoáng sản khai thác và xác định số phí phải nộp theo quy định.

- Xử lý vi phạm hành chính về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.

- Lưu giữ và sử dụng số liệu, tài liệu mà cơ sở khai thác khoáng sản và đối tượng khác cung cấp theo quy định.

- Hàng quý, năm sau khi lập quyết toán phí và được thông báo kết quả duyệt quyết toán phí, cơ quan thuế có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và thông báo cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có mỏ khai thác khoáng sản được biết để làm cơ sở kiểm tra đối chiếu với sản lượng mà đơn vị đã khai thác nhằm tránh thất thu cho ngân sách nhà nước.

c) Quản lý sử dụng phí:

Theo Quyết định số 10/2011/QĐ-UBND ngày 29/01/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về ban hành tỷ lệ phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách năm 2011 và giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn tỉnh quy định tỷ lệ điều tiết phí, lệ phí như sau:

- Do cơ quan, đơn vị tỉnh tổ chức thu thì ngân sách tỉnh hưởng 100%.

- Do cơ quan, đơn vị huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa tổ chức thu thì ngân sách huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa hưởng 100%.

Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100%. Nguồn phí thu được chỉ phục vụ cho công tác bảo vệ và đầu tư cho môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản, theo các nội dung cụ thể sau đây:

- Phòng ngừa và hạn chế các tác động xấu đối với môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản;

- Khắc phục suy thoái, ô nhiễm môi trường do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra;

- Giữ gìn vệ sinh, bảo vệ và tái tạo cảnh quan môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản.

- Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp cùng Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (những địa phương có mỏ khai thác khoáng sản) lập Dự án phòng ngừa và hạn chế các tác động xấu đối với môi trường, khắc phục suy thoái, ô nhiễm môi trường cũng như đề giữ gìn vệ sinh, bảo vệ và tái tạo cảnh quan môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt để làm cơ sở triển khai thực hiện.

3. Lập dự toán và quyết toán phí

Hàng quý, đơn vị tổ chức thu phí có trách nhiệm lập dự toán thu - chi phí về phí theo đúng quy định của Bộ Tài chính về hướng dẫn phân cấp, lập, chấp hành và quyết toán theo Luật Ngân sách hiện hành (Dự toán phân khai chi tiết nội dung thu - chi phí đúng quy định và kèm thuyết minh) gửi cơ quan tài chính cùng cấp, Kho bạc Nhà nước nơi tổ chức thu mở tài khoản tạm giữ tiền thu phí để kiểm soát chi theo quy định hiện hành.

Định kỳ cuối quý, năm đơn vị tổ chức thu phí phải lập quyết toán phí gửi cơ quan tài chính cùng cấp để thẩm tra quyết toán và thông báo duyệt quyết toán.

Điều 5. Công khai chế độ thu phí

Đơn vị tổ chức thu phí phải niêm yết hoặc thông báo công khai tại địa điểm thu phí ở vị trí thuận tiện để các đối tượng nộp lệ phí dễ nhận biết theo quy định tại phần Đ, Mục IV Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính gồm: Niêm yết tên phí, mức thu, chứng từ thu; thông báo công khai

văn bản quy định thu phí. Đồng thời thông báo công khai những trường hợp không phải nộp phí, cụ thể:

- Hộ gia đình, cá nhân khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích đất ở thuộc quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân để xây dựng các công trình của hộ gia đình, cá nhân trong diện tích đó.
- Khai thác đất để san lấp, xây dựng công trình an ninh quân sự.

Điều 6. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Cục thuế Đồng Nai triển khai thực hiện Quyết định này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có thay đổi của pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 11/2009/QĐ-UBND ngày 12/3/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 8. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Xây dựng, Giao thông - Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục thuế Đồng Nai, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chánh - Phó văn phòng;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KT, CNN.

@ĐiềnKT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Minh Phúc